

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 16

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Phùng Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Ông Vũ Văn Đức	Thành viên
Ông Trần Đức Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2011)
Bà Đỗ Thị Ngọc Thanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2011)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Kim Sơn	Phó Giám đốc
Ông Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ôn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2011

Số: /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ Phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ Phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 16. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 và số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty trình bày khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc. Báo cáo tài chính kèm theo là báo cáo tài chính riêng, được lập để trình bày tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 của riêng Công ty.

Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 18 tháng 8 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Huỳnh Vũ Đại Trọng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1204/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		217.583.896.989	216.653.026.670
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	109.158.521.250	68.288.441.171
1. Tiền	111		9.158.521.250	13.288.441.171
2. Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	55.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		45.000.000.000	85.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	45.000.000.000	85.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.720.282.955	47.900.269.728
1. Phải thu khách hàng	131		40.078.826.346	45.419.179.468
2. Trả trước cho người bán	132		81.818.182	1.027.957.360
3. Các khoản phải thu khác	135	7	4.559.638.427	1.453.132.900
IV. Hàng tồn kho	140	8	14.991.031.313	14.271.412.519
1. Hàng tồn kho	141		14.991.031.313	14.271.412.519
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.714.061.471	1.192.903.252
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.607.061.471	1.156.151.252
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		107.000.000	36.752.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		240.642.198.657	251.200.817.351
I. Tài sản cố định	220		196.214.344.772	210.106.794.454
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	196.037.850.659	209.942.904.131
- Nguyên giá	222		267.071.095.929	267.018.005.020
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(71.033.245.270)	(57.075.100.889)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	176.494.113	93.890.323
- Nguyên giá	228		262.420.550	136.080.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.926.437)	(42.189.677)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	70.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		34.425.000.000	34.425.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	34.425.000.000	34.425.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		10.002.853.885	6.669.022.897
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.132.853.885	5.799.022.897
2. Tài sản dài hạn khác	268		870.000.000	870.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		458.226.095.646	467.853.844.021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011**MẪU B 01-DN**
Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: Đồng	
			30/6/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		134.204.694.928	127.372.840.475
I. Nợ ngắn hạn	310		61.929.827.861	54.909.807.136
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	14.432.600.000	13.793.314.286
2. Phải trả người bán	312		9.683.386.147	30.171.118.284
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	4.018.455.730	5.020.700.859
4. Phải trả người lao động	315		7.368.272.850	4.411.695.370
5. Chi phí phải trả	316		1.914.771.750	126.750.000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	14	24.212.341.384	405.326.914
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		300.000.000	980.901.423
II. Nợ dài hạn	330		72.274.867.067	72.463.033.339
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	72.163.000.000	72.347.285.714
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111.867.067	115.747.625
B. NGUỒN VỐN	400		324.021.400.718	340.481.003.546
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	324.021.400.718	340.481.003.546
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.173.922.567	8.809.491.423
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.586.961.285	4.404.745.712
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.260.516.866	27.266.766.411
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		458.226.095.646	467.853.844.021

Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc
 Ngày 18 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thế Dân
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2011	Từ 1/1/2010
			đến 30/6/2011	đến 30/6/2010
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		180.484.604.511	173.147.553.192
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		180.484.604.511	173.147.553.192
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		(153.885.169.556)	(149.940.471.575)
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		26.599.434.955	23.207.081.617
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	9.315.019.677	7.498.904.669
6. Chi phí tài chính	22	18	(11.458.003.863)	(1.999.682.741)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		(3.627.449.948)	(1.564.808.737)
7. Chi phí bán hàng	24		-	(594.709.882)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(7.894.524.236)	(6.927.081.978)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.561.926.533	21.184.511.685
10. Thu nhập khác	31		5.979.089.810	519.671.603
11. Chi phí khác	32		(860.327.188)	(469.024.852)
12. Lợi nhuận khác	40	19	5.118.762.622	50.646.751
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.680.689.155	21.235.158.436
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	(5.420.172.289)	(5.308.789.609)
15. Lợi nhuận sau thuế	60		<u>16.260.516.866</u>	<u>15.926.368.827</u>

Nguyễn Ngọc Anh
Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thế Dân
Kê toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.680.689.155	21.235.158.436
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.001.881.141	11.639.042.601
Các khoản dự phòng	03	-	121.793.600
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	7.412.119.058	(2.780.000.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.159.040.825)	(4.032.802.744)
Chi phí lãi vay	06	3.627.449.948	1.564.808.737
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	37.563.098.477	27.748.000.630
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	5.087.351.695	(33.056.104.088)
Tăng hàng tồn kho	10	(719.618.794)	(2.683.397.306)
(Giảm)/tăng các khoản phải trả	11	(16.109.880.019)	31.581.008.656
Tăng chi phí trả trước	12	(5.784.741.207)	(2.747.581.245)
Tiền lãi vay đã trả	13	(3.627.449.948)	(1.515.714.424)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.186.121.894)	(5.681.863.813)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(951.907.395)	(1.870.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.270.730.915	11.773.948.410
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(109.431.459)	(133.359.481.166)
2. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	40.000.000.000	-
4. Thu lãi tiền gửi	27	7.732.314.181	2.838.070.507
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	47.622.882.722	(130.521.410.659)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
2. Tiền vay dài hạn nhận được	33	-	95.497.055.500
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.896.657.143)	-
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(9.066.414.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.963.071.643)	95.497.055.500
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	40.930.541.994	(23.250.406.749)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	68.288.441.171	111.974.112.465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(60.461.915)	(602.097.046)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	109.158.521.250	88.121.608.670

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong kỳ, Công ty đã thanh toán 9.066.414.500 đồng trong tổng số 33.000.000.000 đồng cổ tức. Theo đó, một phần cổ tức với số tiền là 23.933.585.500 đồng (năm 2010: không đồng) chưa thanh toán cho các cổ đông. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Nguyễn Ngọc Anh

Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thế Dân

Kế toán trưởng

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Hoạt động chính của Công ty là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn gas tại Thành phố Hồ Chí Minh)

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 139 người (2010:137 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư này yêu cầu doanh nghiệp trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và các chi phí liên quan, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có). Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	5 - 12 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ có liên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá trị vốn bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng và sửa chữa tàu và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng từ hai đến năm năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011 <u>VNĐ</u>	31/12/2010 <u>VNĐ</u>
Tiền mặt	190.754.901	31.680.104
Tiền gửi ngân hàng	8.967.766.349	13.256.761.067
Các khoản tương đương tiền	<u>100.000.000.000</u>	<u>55.000.000.000</u>
	<u>109.158.521.250</u>	<u>68.288.441.171</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn từ ba tháng trở xuống với lãi suất hàng năm được hưởng là 14% (2010: từ 11% đến 12%).

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Khoản đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn một năm với lãi suất hàng năm được hưởng là 13% trong sáu tháng đầu tiên. Lãi suất sẽ được thỏa thuận lại hàng tháng trong sáu tháng tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B 09-DN****7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền chi phúc lợi cho nhân viên	779.778.883	-
Phải thu về bồi thường sự cố tàu	900.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.879.859.544	1.453.132.900
	<u>4.559.638.427</u>	<u>1.453.132.900</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Nguyên liệu, vật liệu	14.989.964.646	14.216.216.834
Công cụ dụng cụ	1.066.667	55.195.685
	<u>14.991.031.313</u>	<u>14.271.412.519</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị <u>VNĐ</u>	Thiết bị văn phòng <u>VNĐ</u>	Phương tiện vận tải <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 1/1/2011	932.453.510	617.057.821	265.468.493.689	267.018.005.020
Tăng trong kỳ	-	12.590.909	40.500.000	53.090.909
Tại ngày 30/6/2011	<u>932.453.510</u>	<u>629.648.730</u>	<u>265.508.993.689</u>	<u>267.071.095.929</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 1/1/2011	261.451.459	317.165.517	56.496.483.913	57.075.100.889
Khấu hao trong kỳ	146.163.847	91.132.522	13.720.848.012	13.958.144.381
Tại ngày 30/6/2011	<u>407.615.306</u>	<u>408.298.039</u>	<u>70.217.331.925</u>	<u>71.033.245.270</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2011	<u>524.838.204</u>	<u>221.350.691</u>	<u>195.291.661.764</u>	<u>196.037.850.659</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>671.002.051</u>	<u>299.892.304</u>	<u>208.972.009.776</u>	<u>209.942.904.131</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15, tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã thế chấp tàu Sài Gòn Gas với nguyên giá là 133.096.847.966 đồng làm đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (31/12/2010: 133.096.847.966 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 240.899.314 VNĐ (năm 2010: không đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VNĐ	Giấy chứng nhận VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	136.080.000	-	136.080.000
Tăng trong kỳ	-	126.340.550	126.340.550
Tại ngày 30/6/2011	136.080.000	126.340.550	262.420.550
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	42.189.677	-	42.189.677
Khấu hao trong kỳ	22.680.000	21.056.760	43.736.760
Tại ngày 30/6/2011	64.869.677	21.056.760	85.926.437
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	71.210.323	105.283.790	176.494.113
Tại ngày 31/12/2010	93.890.323	-	93.890.323

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Đầu tư vào công ty con thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt với tỷ lệ sở hữu là 51%.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng	899.687.792	-
Chi phí sửa chữa tàu	8.121.572.576	5.529.931.340
Chi phí khác	111.593.517	269.091.557
	9.132.853.885	5.799.022.897

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.843.918.404	3.609.868.009
Thuế thu nhập cá nhân	52.096.677	1.363.654.226
Thuế giá trị gia tăng	1.060.519.228	47.178.624
Các khoản khác	61.921.421	-
	4.018.455.730	5.020.700.859

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Kinh phí công đoàn	278.755.884	405.326.914
Cổ tức phải trả	23.933.585.500	-
	24.212.341.384	405.326.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện khoản vay dài hạn đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 5.384.512 đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 5,5% trong sáu tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và bằng tổng bình quân lãi suất tiết kiệm bằng đô la Mỹ của cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng tham khảo cộng 3%. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển của Công ty.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	14.432.600.000	13.252.400.000
Trong năm thứ hai	14.432.600.000	13.252.400.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	43.297.800.000	39.757.200.000
Sau năm năm	<u>14.432.600.000</u>	<u>19.878.600.000</u>
	86.595.600.000	86.140.600.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>14.432.600.000</u>	<u>13.793.314.286</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>72.163.000.000</u>	<u>72.347.285.714</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2011		31/12/2010	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VNĐ</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VNĐ</u>
Được phép phát hành	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>	<u>30.000.000</u>	<u>300.000.000.000</u>

Công ty chi phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2011		31/12/2010	
	<u>VNĐ</u>	%	<u>VNĐ</u>	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	203.209.000.000	67,7	218.324.000.000	72,8
Cty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Khí	-	-	51.600.000.000	17,2
Cổ đông khác	<u>96.791.000.000</u>	<u>32,3</u>	<u>30.076.000.000</u>	<u>10,0</u>
	300.000.000.000		300.000.000.000	

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ <u>VNĐ</u>	Chênh lệch tỷ giá <u>VNĐ</u>	Quỹ đầu tư phát triển <u>VNĐ</u>	Quỹ dự phòng tài chính <u>VNĐ</u>	Lợi nhuận chưa phân phối <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
Số dư tại ngày 1/1/2010	184.051.000.000	602.097.046	5.173.922.567	2.586.961.285	26.092.419.256	218.506.400.154
Vốn đã góp	115.949.000.000	-	-	-	-	115.949.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	36.355.688.563	36.355.688.563
Chênh lệch tỷ giá	-	(602.097.046)	-	-	-	(602.097.046)
Phân phối các quỹ	-	-	3.635.568.856	1.817.784.427	(5.453.353.283)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.935.568.856)	(3.935.568.856)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(25.792.419.269)	(25.792.419.269)
Số dư tại ngày 31/12/2010	300.000.000.000	-	8.809.491.423	4.404.745.712	27.266.766.411	340.481.003.546
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	16.260.516.866	16.260.516.866
Hoàn nhập quỹ	-	-	(3.635.568.856)	(1.817.784.427)	6.033.233.589	579.880.306
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(33.000.000.000)	(33.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2011	300.000.000.000	-	5.173.922.567	2.586.961.285	16.260.516.866	324.021.400.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Theo Nghị quyết ngày 25 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2010 với số tiền là 33.000.000.000 đồng (2009: 25.792.419.269 đồng). Cũng theo nghị quyết này, Công ty không trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và chỉ trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm 2010 với số tiền là 3.055.688.563 đồng. Vì vậy, trong 6 tháng đầu năm 2011, Công ty đã hoàn nhập số tiền từ việc trích lập quỹ trong năm 2010.

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Lãi tiền gửi	9.159.040.825	4.032.802.744
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2.780.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	155.978.852	686.101.925
	9.315.019.677	7.498.904.669

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Lãi tiền vay	3.627.449.948	1.564.808.737
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.412.119.058	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	416.592.857	400.314.754
Chi phí khác	1.842.000	34.559.250
	11.458.003.863	1.999.682.741

19. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Thu tiền phạt	366.553.000	299.669.149
Hàng tồn kho thừa do kiểm kê	4.702.276.832	-
Thu khác	910.259.978	220.002.454
Thu nhập khác	5.979.089.810	519.671.603
Chi phí khác	(860.327.188)	(469.024.852)
Lợi nhuận khác	5.118.762.622	50.646.751

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Lợi nhuận trước thuế	21.680.689.155	21.235.158.436
Thu nhập chịu thuế	21.680.689.155	21.235.158.436
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.420.172.289	5.308.789.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	1.914.182.657	467.155.665

Tại ngày kết thúc kỳ hoạt động, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	3.798.182.630	3.489.555.610
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	4.717.728.288	6.064.722.317
	<u>8.515.910.918</u>	<u>9.554.277.927</u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho việc thuê kho tại 12AB Thanh Đa, phường 17, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và thuê văn phòng tại lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 30 tháng 8 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VND
Cho thuê tàu		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	<u>23.883.653.393</u>	-
Thuê tàu và mua nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	<u>74,160,708,898</u>	-
Mua dịch vụ đại lý tàu		
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	920.601.322	42.276.487
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	180.897.688	445.571.166
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	<u>1.262.313.137</u>	<u>104.894.555</u>
Thuê xe và mua nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	10.077.000	2.762.600.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	<u>15.972.728</u>	<u>29.533.000</u>
Cộng bố cổ tức		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>22.352.990.000</u>	<u>9.809.614.000</u>

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
--	------------------------------	------------------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2011
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi	<u>994.144.494</u>	<u>668.416.941</u>
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:		
	30/6/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải trả		
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Hà Nội	273.552.557	146.765.535
Công ty TNHH MTV Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	21.450.836	24.621.620
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	185.763.990	171.129.680
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	<u>4.258.646.863</u>	<u>-</u>
Cổ tức phải trả		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>22.352.990.000</u>	<u>-</u>

Nguyễn Ngọc Anh

Giám đốc

Ngày 18 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Thế Dân

Kế toán trưởng